

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 35

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán, cho thuê xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Tầng 18, Tòa nhà IIA, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 52 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên
Ông Adrian Teng	Thành viên
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	49.784.983.069	49.019.410.931
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	607.809.413	584.265.120
1. Tiền	111	607.809.413	584.265.120
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.622.741.246	2.587.251.527
1. Chứng khoán kinh doanh	121	176.645.721	176.645.721
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2.446.095.525	2.410.605.806
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	17.561.750.856	15.149.626.543
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.291.462.927	2.916.943.577
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8.883.607.786	3.894.456.574
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	1.057.929.080	148.889.848
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.356.186.145	8.211.215.848
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(29.942.624)	(24.551.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.507.541	2.672.577
IV. Hàng tồn kho	140	27.892.511.851	29.371.010.102
1. Hàng tồn kho	141	27.941.564.533	29.425.211.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(49.052.682)	(54.201.725)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.100.169.703	1.327.257.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	188.192.904	177.012.074
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	891.619.276	1.097.707.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20.357.523	52.538.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	25.272.598.295	23.388.666.847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	153.617.327	141.549.765
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	16.753.597	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	30.827.949	30.827.949
6. Phải thu dài hạn khác	216	115.923.970	110.971.816
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(9.888.189)	(250.000)
II. Tài sản cố định	220	11.922.440.280	9.458.039.924
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.595.575.873	5.137.283.264
- Nguyên giá	222	11.805.280.483	9.113.096.865
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(4.209.704.609)	(3.975.813.601)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.326.864.407	4.320.756.660
- Nguyên giá	228	4.553.296.552	4.529.786.899
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(226.432.146)	(209.030.239)
III. Bất động sản đầu tư	230	2.293.613.677	1.747.911.811
- Nguyên giá	231	2.329.397.964	1.769.883.410
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(35.784.287)	(21.971.599)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	6.440.714.540	7.607.795.567
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.440.714.540	7.607.795.567
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	68.919.986	68.919.986
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.419.618	6.419.618
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	62.500.369	62.500.369
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.393.292.486	4.364.449.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	473.225.969	410.640.503
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.448.153	3.392.730
V. Lợi thế thương mại	269	3.918.618.364	3.950.416.560
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	75.057.581.364	72.408.077.778

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngân VND

Chi tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 30 tháng 9 năm 2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	43.736.301.642	42.188.974.709
I. Nợ ngắn hạn	310	40.834.097.556	39.528.201.553
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13.000.861.796	9.133.962.483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.222.665.637	5.461.626.278
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.259.646.955	754.385.315
4. Phải trả người lao động	314	4.044.160	76.355.256
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.789.614.345	1.123.368.500
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	8.912.084	16.622.860
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	183.798.532	583.706.443
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.259.336.468	22.323.863.844
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	93.670.295	42.753.291
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	11.547.283	11.557.283
II. Nợ dài hạn	330	2.902.204.087	2.660.773.156
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	757.983	1.091.001
7. Phải trả dài hạn khác	337	42.930.740	34.090.832
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.623.833.086	2.320.322.108
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	205.297.967	261.929.253
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	29.384.310	43.339.963
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	31.321.279.721	30.219.103.069
I. Vốn chủ sở hữu	410	31.321.279.721	30.219.103.069
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	16.580.000.000	16.580.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	16.580.000.000	16.580.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	29.878.837	29.878.837
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	15.799.800	15.799.800
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.703.503	4.387.055
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.310.213.108	11.308.538.358
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	4.652.349.432	6.641.949.432
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	6.657.863.675	4.666.588.925
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3.379.684.474	2.280.499.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	75.057.581.364	72.408.077.778

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT


Ngày 18 tháng 01 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý IV.2018	Quý IV.2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19.330.046.876	14.564.125.712
2. Các khoản giảm trừ	02	28.228.184	38.233.864
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19.301.818.692	14.525.891.848
4. Giá vốn hàng bán	11	15.357.643.388	11.751.179.592
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.944.175.304	2.774.712.256
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	196.193.553	55.957.156
7. Chi phí tài chính	22	627.961.553	125.005.593
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	364.202.744	117.303.722
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	(27.569)
9. Chi phí bán hàng	25	580.655.274	418.556.451
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	529.161.969	442.217.789
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.402.590.061	1.844.862.010
12. Thu nhập khác	31	46.600.197	59.398.634
13. Chi phí khác	32	31.725.958	44.100.339
14. Lợi nhuận khác	40	14.874.239	15.298.295
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.417.464.300	1.860.160.304
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	348.200.936	231.217.255
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(54.686.709)	(20.790.321)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.123.950.073	1.649.733.371
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	1.967.834.046	1.594.456.377
20. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62	156.116.027	55.276.994
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.187	962


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT

Ngày 18 tháng 01 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Ngàn VND


Chi tiêu	Mã số	Quý IV.2018	Quý IV.2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.417.464.300	1.860.160.304
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	455.027.025	368.879.327
- Các khoản dự phòng	03	45.145.733	(346.566.810)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	168.722.376	106.488.425
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.470.246)	51.762.073
- Chi phí lãi vay	06	364.202.744	117.807.373
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.423.091.933	2.158.530.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.615.355.985)	(1.468.893.090)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	1.469.111.098	(449.222.357)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	938.493.029	1.284.321.889
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(74.466.756)	10.101.245
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(185.351.896)	(398.919.089)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(137.677.719)	(105.108.173)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	268.997	(160.617.567)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.000)	42.236.729
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.818.102.701	912.430.279
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.051.485.026)	(2.459.074.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	258.000	33.955.130
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(965.241.659)	(14.833.903)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.525.971	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	801.970	5.747.102


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ngàn VND

Chi tiêu	Mã số	Quý IV.2018	Quý IV.2017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.995.140.744)	(2.434.205.981)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.990.000.000	(7.500.000)
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.724.426.900	12.105.698.264
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.545.084.068)	(9.856.551.059)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.968.870.750)	(828.683.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.200.472.082	1.412.963.438
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	23.434.039	(108.812.264)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	584.265.120	559.842.720
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	110.254	(945.255)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	607.809.413	450.085.202


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Minh
Phó chủ tịch TT HĐQT



Ngày 18 tháng 01 năm 2019